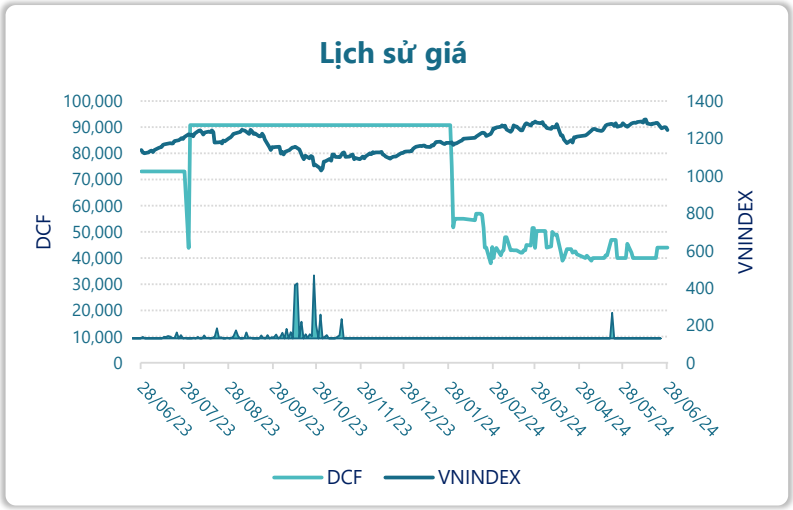
FireAnt

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**44,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	90,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	38,000
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	150
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,320
P/E	36.9
EPS	1,192

DT thuần

Q2/24

409

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 205| 100%

YoY: ▲ 268| 190%

LN sau thuế

Q2/24

23.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.7| 756%

YoY: ▲ 22.6| 2857%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

7.3%

+/- YoY: ▲ 3.3%

DT thuần

6T 2024

613

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 398| 185%

LN sau thuế

6T 2024

26.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.2| 2748%

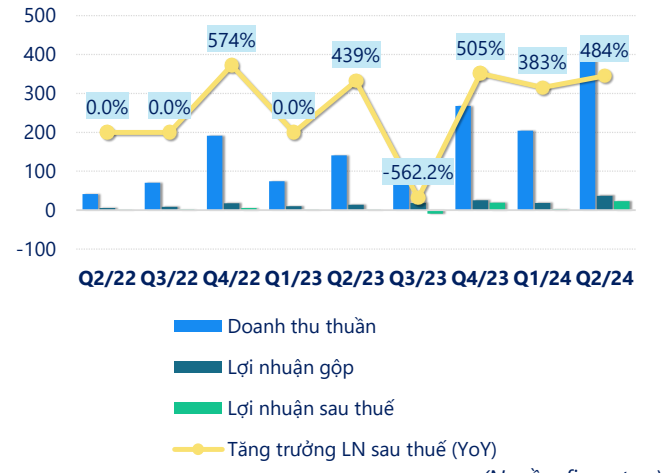
ROE

Q2/24

9.4%

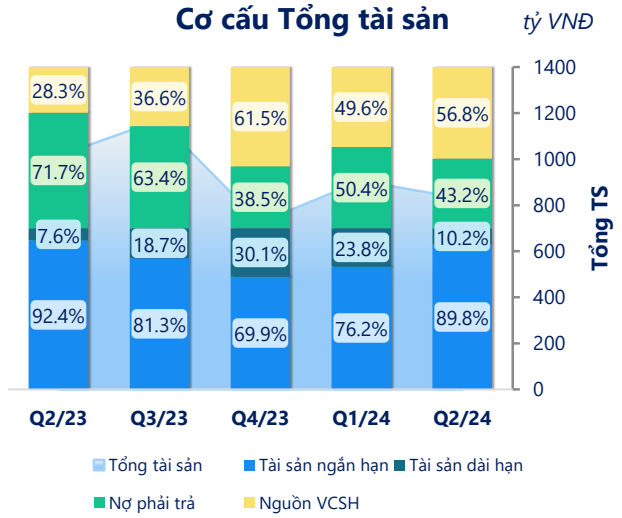
+/- YoY: ▲ 6.7%

Kết quả kinh doanh



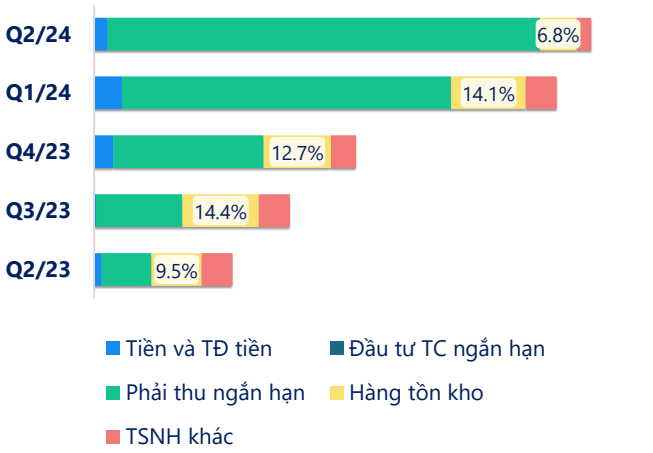
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



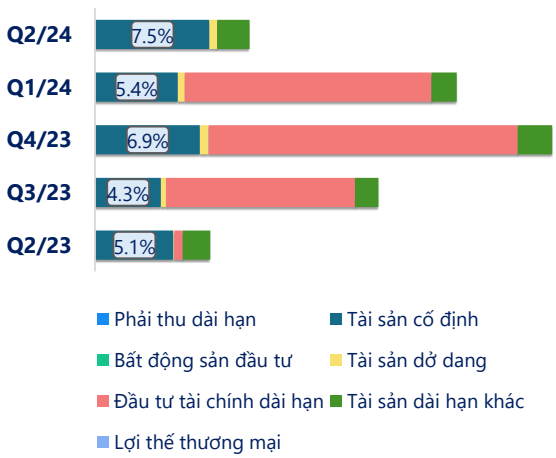
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



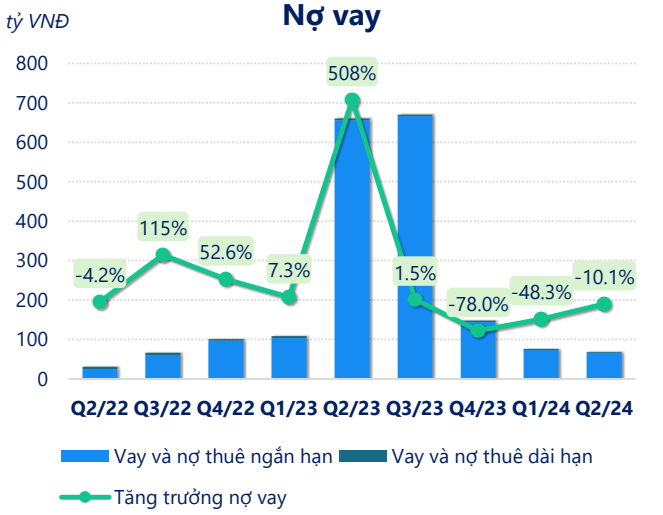
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



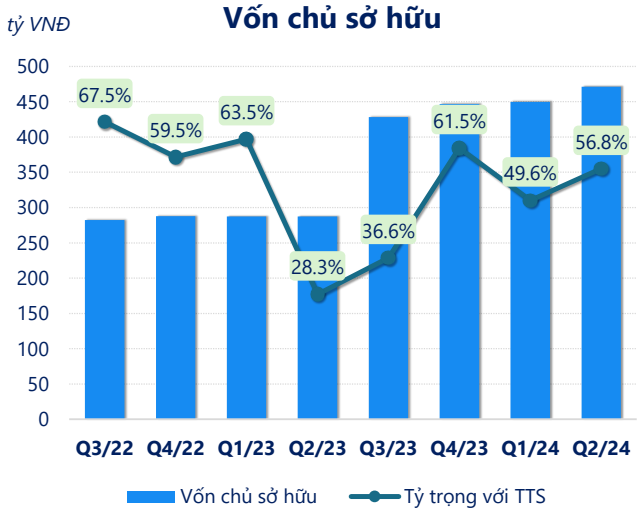
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



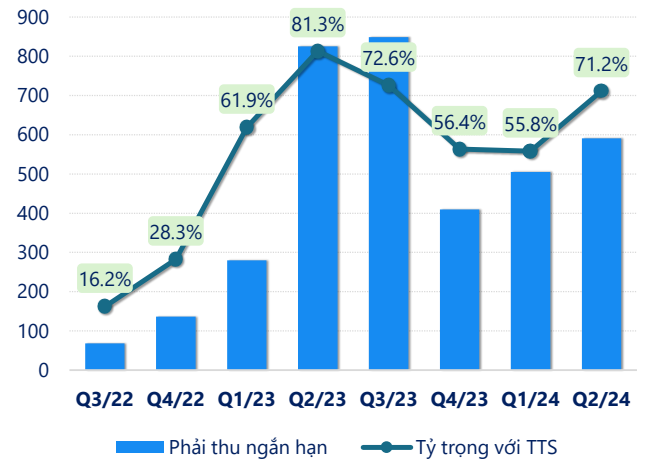
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



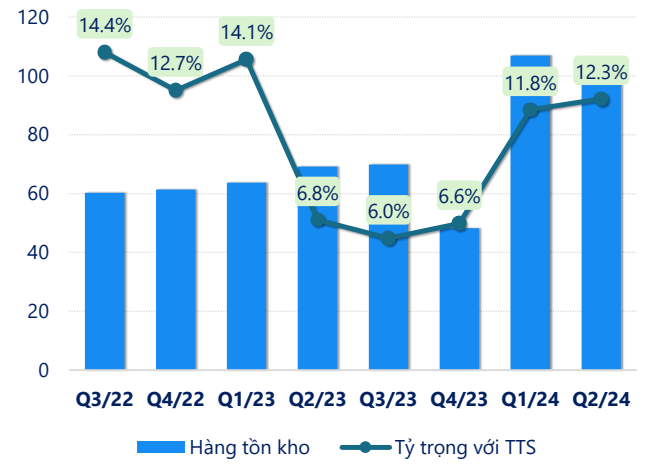
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



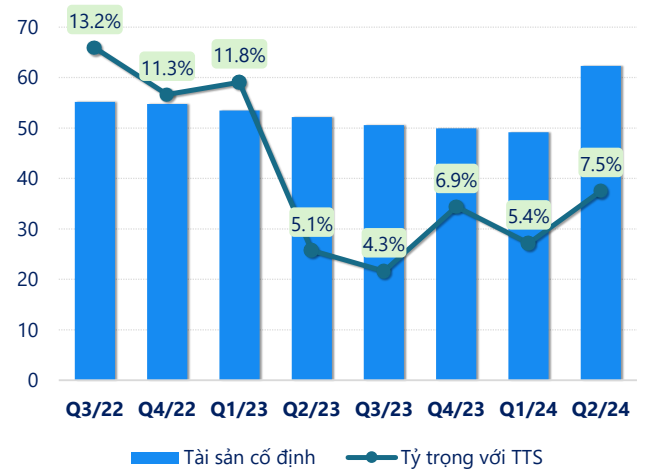
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



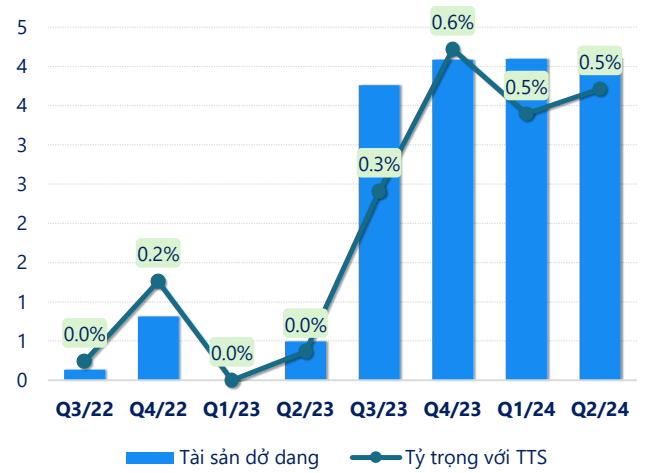
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



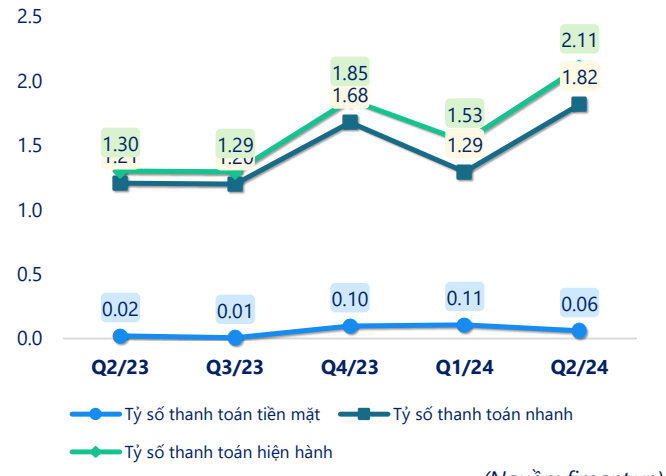
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



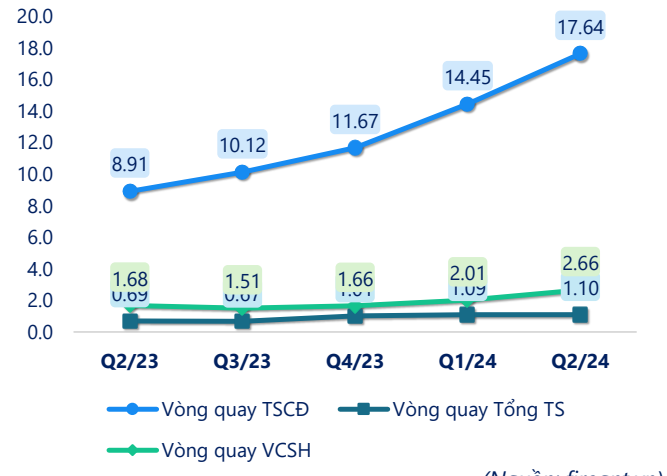
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,015**	**1,170**	**726**	**906**	**830**
Tài sản ngắn hạn	**938**	**951**	**508**	**690**	**745**
Tiền và tương đương tiền	14.5	4.54	26.4	47.8	20.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	825	849	409	505	591
Hàng tồn kho	69.1	69.9	48.2	107	102
Tài sản ngắn hạn khác	28.6	28.3	23.7	30.0	31.8
Tài sản dài hạn	**77.0**	**218**	**219**	**216**	**84.4**
Phải thu dài hạn	0.26	0.26	0.26	0.26	0.26
Tài sản cố định	52.2	50.6	49.9	49.2	62.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.50	3.76	4.09	4.10	4.11
Đầu tư tài chính dài hạn	5.67	145	148	147	0
Tài sản dài hạn khác	18.4	18.1	16.4	15.1	17.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**727**	**741**	**279**	**456**	**358**
Nợ ngắn hạn	**721**	**735**	**274**	**451**	**354**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	655	666	144	73.5	66.3
Phải trả người bán ngắn hạn	37.2	35.0	68.3	67.8	109
Nợ dài hạn	6.65	6.09	5.52	4.95	4.38
Vay và nợ thuê dài hạn	4.65	4.09	3.52	2.95	2.38
Nguồn vốn chủ sở hữu	**287**	**428**	**447**	**450**	**471**
Vốn chủ sở hữu	**287**	**428**	**447**	**450**	**471**
Vốn điều lệ	150	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)